

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ H Độc lập-Tự Do-Hạnh Phúc
TỈNH THỪA T

Bản án số: 158/2020/HSST

Ngày: 13 - 8 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Bích Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyết.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Thế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2020/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Đình T (Tên gọi khác: L), sinh năm 1994 tại tỉnh T. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số 06/55 đường Vạn Xuân, phường K, thành phố H tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức Th và bà Phạm Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 03 tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên sống với bố mẹ, đi học văn hóa đến lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

-Ngày 16/8/2011 bị Công an tỉnh T xử phạt hành chính 350.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”;

-Ngày 05/9/2013 bị Công an thành phố H xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”;

-Ngày 22/9/2014, bị Công an thành phố H xử phạt 200.000 đồng về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*”.

-Ngày 09/02/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 32/2015/HSST);

-Ngày 11/01/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (Bản án số 10/2016/HSST).

-Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (Bản án số 247/2018/HSST). Ngày 07/8/2019 chấp hành án xong trở về địa phương cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 07/02/2020, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 10/02/2020 cho đến nay – có mặt.

-Người làm chứng: Anh Trần Văn A, sinh năm 1976. Nơi cư trú: 05/95 đường Vạn Xuân, phường K, thành phố H, tỉnh T - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 06/02/2020, Lê Đình T đến tại quán bar V ở 81 Bà Triệu, phường X, thành phố Huế để chơi. Tại đây, Tuấn được người bạn tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) cho 01 (một) viên ma túy dạng kẹo. Sau khi được H cho ma túy, tại quán bar T dùng hết 1/2 viên, 1/2 viên còn lại T cất giấu vào túi quần đang mặc trên người nhằm mục đích sử dụng. Tuấn ngồi chơi tại quán bar đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì ra về. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/02/2020, khi Tuấn đang ở nhà của mình ở 06/55 Vạn Xuân, phường K, thành phố H thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tạm giữ gồm: 01 (một) gói ni lông viên đỏ, bên trong chứa mảnh vỡ của viên nén màu hồng.

Vật chứng trên, sau khi tạm giữ đã được niêm phong trong phong bì màu trắng và băng keo trong, bên ngoài có 02 chữ ký Điều tra viên Dương Quang Quyết, 02 chữ ký của đối tượng Lê Đình Tuấn, 02 dấu tròn đỏ của Công an phường K, thành phố H.

Tại Bản kết luận giám định số 75/GĐ ngày 09/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Các mảnh viên nén màu hồng gửi giám định (nêu tại mục 1, phần II) có tổng khối lượng là 0,3119g (không thấy ba một một chín gam), là ma túy, loại MDMA.

Không hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế do đã sử dụng hết trong quá trình giám định và lưu mẫu.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 170/CT-VKS-HS ngày 14/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Đề nghị áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Không (vì không còn vật chứng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét tuyên buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố H, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo bị truy tố: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/02/2020, tại nhà số 06/55 đường Vạn Xuân, phường K, thành phố H, tỉnh T, Lê Đình T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3119g (không phẩy ba một chín gam) ma túy, loại MDMA thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Bị cáo đã tái phạm (theo bản án số 247/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế) nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Đình T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phải nhận thức được ma túy là một chất rất độc hại, việc sử dụng các chất ma túy trong phân tích kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và điều tra tội phạm phải theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền. Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến các chính sách của Nhà nước về thống nhất quản lý đặc biệt các chất ma túy, xâm hại trực tiếp đến trật tự quản lý xã hội, chế độ quản lý đặc biệt này chỉ nhằm phục vụ cho hoạt động y tế, phân tích kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính và có 03 tiền án chưa được xóa án tích. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, do bị cáo tàng trữ ma túy có trọng lượng nhỏ nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một mức án nhẹ hơn mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Xử lý vật chứng: Số ma túy bị thu giữ đã giám định được niêm phong, là chất độc hại, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy. Tuy nhiên, trong quá trình giám định cơ

quan giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định và lưu mẫu không hoàn lại đối tượng giám định, nên không còn vật chứng để xử lý.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Đình T (tên gọi khác: L) phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình T (tên gọi khác: L) 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 07/02/2020.

2/Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Lê Đình T (tên gọi khác: L) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh T;
- VKSND TP H;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS TPH;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Dung

